

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 295/2017/DS-PT

Ngày: 29 - 9 - 2017

V/v tranh chấp về hợp đồng
vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Võ Trinh

Các Thẩm phán: Ông Đinh Chí T

Bà Nguyễn Thị Vĩnh

- Thư ký phiên tòa: Bà Hồ Thị Đào - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh
Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Tỉnh tham gia phiên tòa:

Bà Phạm Thị Thanh Hương - Kiểm sát viên.

Trong ngày 29 tháng 09 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân Tỉnh xét
xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 74/2017/TLPT-DS ngày 06 tháng 6
năm 2017, về việc “Tranh chấp về hợp đồng dân sự vay tài sản”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 20/2017/DS-ST ngày 26 tháng 4 năm
2017 của Tòa án nhân dân thành phố C bị kháng cáo, kháng nghị;

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 262/2017/QĐ-PT
ngày 26 tháng 9 năm 2017 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Huỳnh Hùng P, sinh năm 1964.

Địa chỉ: Khóm M, phường B, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp.

- Bị đơn: Ông Trương Hữu T, sinh năm 1964.

Địa chỉ: Khóm M, phường B, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp.

- Người làm chứng: Ông Nguyễn Đức N, sinh năm 1972.

Địa chỉ: Khóm M, phường B, thành phố C, tỉnh Tháp.

- Người kháng cáo: Ông Trương Hữu T là bị đơn.

- *Viện kiểm sát kháng nghị*: Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân thành phố C.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 08/11/2016, biên bản hòa giải ngày 05/4/2017 và tại phiên tòa nguyên đơn Huỳnh Hùng P trình bày:

Ngày 27/3/2015, ông Huỳnh Hùng P có cho ông Trương Hữu T vay số tiền 3.500.000 đồng, thời gian vay là 15 ngày (từ ngày 28/3/2015 đến ngày 15/4/2015) có làm biên nhận vay tiền.

Ngày 30/6/2015, ông P tiếp tục cho ông T vay số tiền là 15.000.000 đồng, thời gian 02 tháng từ ngày 30/6/2015 đến ngày 30/8/2015, phải trả, có làm biên nhận vay tiền.

Ngày 14/7/2015, ông T vay thêm số tiền 16.000.000 đồng, thời gian 02 tháng từ ngày 14/7/2015 đến ngày 14/9/2015, phải trả, có làm biên nhận vay tiền.

Ngày 31/7/2015, ông P cho ông T vay số tiền 4.500.000 đồng, thời gian 01 tháng từ ngày 31/7/2015 đến 31/8/2015, phải trả, có làm biên nhận vay tiền, các lần vay tiền không tính lãi.

Như vậy, tổng cộng các lần vay là 39.000.000 đồng. Mặc dù, ông Huỳnh Hùng P nhiều lần yêu cầu ông T trả tiền gốc và lãi nhưng ông T không thực hiện mà còn thách thức.

Nay ông T còn nợ ông Hùng P vốn và lãi như sau:

+ Đối với biên nhận vay ngày 27/3/2015, yêu cầu tính lãi số tiền gốc 3.500.000 đồng, tính lãi từ ngày 28/3/2015 đến ngày 15/4/2015 là 15 ngày (trong đó $3.500.000 \text{ đồng} \times 0,75\%/\text{tháng} = 26.250 \text{ đồng}$). Và tiếp tục tính lãi từ ngày 16/4/2015 đến ngày 16/9/2016 là 17 tháng (trong đó $3.500.000 \text{ đồng} \times 0,75\%/\text{tháng} \times 17 \text{ tháng} = 446.250 \text{ đồng}$).

+ Đối với biên nhận vay ngày 30/6/2015, yêu cầu tính lãi với số tiền gốc 15.000.000 đồng, tính lãi từ ngày 30/6/2015 đến ngày 30/8/2015 là 02 tháng (trong đó $15.000.000 \text{ đồng} \times 0,75\%/\text{tháng} \times 02 \text{ tháng} = 225.000 \text{ đồng}$). Và tiếp tục tính lãi từ ngày 31/8/2015 đến ngày 16/9/2016 là 12 tháng (trong đó $15.000.000 \text{ đồng} \times 0,75\%/\text{tháng} \times 12 \text{ tháng} = 1.350.000 \text{ đồng}$).

+ Đối với biên nhận vay ngày 14/7/2015, yêu cầu tính lãi với số tiền gốc 16.000.000 đồng $\times 0,75\%/\text{tháng} \times 02 \text{ tháng} = 240.000 \text{ đồng}$). Và tiếp tục tính lãi từ ngày 15/9/2015 đến ngày 16/9/2016 là 12 tháng (trong đó $16.000.000 \text{ đồng} \times 0,75\%/\text{tháng} \times 12 \text{ tháng} = 1.440.000 \text{ đồng}$).

+ Đối với biên nhận vay ngày 31/7/2015, yêu cầu tính lãi với Số tiền gốc là 4.500.000 đồng, tính lãi từ ngày 31/7/2015 đến ngày 31/8/2015 là 01 tháng (trong đó $4.500.000 \text{ đồng} \times 0,75\%/\text{tháng} \times 01 \text{ tháng} = 33.750 \text{ đồng}$. Và tiếp tục tính lãi từ ngày 01/9/2015 đến ngày 06/9/2016 là 12,5 tháng (trong đó $4.500.000 \text{ đồng} \times 0,75\%/\text{tháng} \times 12,5 \text{ tháng} = 421.875 \text{ đồng}$).

Ông Huỳnh Hùng P yêu cầu ông Trương Hữu T trả cho ông Huỳnh Hùng P số tiền vốn gốc là 39.000.000 đồng và tiền lãi là 3.658.125 đồng, tổng cộng là 42.658.125 đồng.

Tại phiên hòa giải ông Huỳnh Hùng P có thay đổi yêu cầu là đối với 02 biên nhận của ông Trương Hữu T có yêu cầu phản tố; ông T yêu cầu ông Huỳnh Hùng P phải trả số tiền vốn và lãi là 81.920.000 đồng; ông P thừa nhận đối với hai biên nhận mà ông T cung cấp thì ông P chỉ có vay số tiền là 11.000.000 đồng, vì đối với biên nhận ngày 17/7/2015, chỉ có nhận số tiền 8.000.000 đồng; nhưng do ông T ghi thêm số 6 và chữ sáu vào biên nhận cho rằng là 68.000.000 đồng. Ông P đồng ý cản trừ số tiền 11.000.000 đồng của 02 biên nhận của ông T có yêu cầu phản tố, ông P chỉ yêu cầu ông Trương Hữu T trả số tiền là 31.658.125 đồng (nghĩa là $42.658.125 \text{ đ} - 11.000.000 \text{ đ} = 31.658.125 \text{ đ}$); Tuy nhiên, tại phiên tòa phúc thẩm ông P đồng ý trả tiền lãi đối với số tiền 11.000.000 đ mà ông đã vay ông T, với số tiền lãi như ông T đã yêu cầu với mức lãi suất là 0,75%/tháng và thời gian vay từ tháng 07/2015 đến tháng 04/2017 là 21 tháng.

Bị đơn Trương Hữu T trình bày:

Đối với 04 biên nhận của ông Huỳnh Hùng P yêu cầu ông Trương Hữu T trả vốn và lãi tổng cộng 31.658.125 đồng là ông T đã trả xong không còn nợ ông P. Nay ông Trương Hữu T có yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Huỳnh Hùng P phải trả số tiền cho ông Trương Hữu T số tiền 81.920.000.000 đồng đối với 02 biên nhận ngày 17/7/2015 và biên nhận ngày ghi ngày 10/4/2012 và ngày 17/4/2012 và tính lãi suất 0,75%/tháng tính từ tháng 07/2015 đến tháng 04/2017 là 21 tháng ($71.000.000 \text{ đồng} \times 0,75\%/\text{tháng} \times 21 \text{ tháng} = 10.920.000 \text{ đồng}$). Tổng cộng vốn và lãi là 81.920.000 đồng và yêu cầu tính lãi suất cho đến khi kết thúc vụ kiện.

Tại bản án sơ thẩm số 20/2017/DS-ST ngày 28 tháng 4 năm 2017 của Tòa án nhân dân thành phố C đã xử:

Chấp nhận yêu cầu của ông Huỳnh Hùng P yêu cầu ông Trương Hữu T trả số tiền 31.658.125 đồng.

Buộc ông Trương Hữu T trả cho ông Huỳnh Hùng P số tiền 31.658.125 đồng.

Chấp nhận một phần yêu cầu phản tố của ông Trương Hữu T đối với 03 biên nhận số tiền 11.000.000 đồng.

Không chấp nhận yêu cầu phản tố của ông Trương Hữu T yêu cầu ông Huỳnh Hùng P trả số tiền 70.920.000 đồng.

Kể từ khi ông Huỳnh Hùng P có đơn yêu cầu thi hành án đối với số tiền trên, ông Trương Hữu T chậm trả tiền thì phải trả lãi suất là 10%/năm đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả cho đến khi thi hành xong.

Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Trương Hữu T phải chịu 5.109.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Ông Huỳnh Hùng P phải chịu 550.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm nhưng được căn trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 1.175.000 đồng theo biên lai thu số 08311 ngày 25/12/2016. Ông Huỳnh Hùng P được nhận lại số tiền 625.000 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố C, tỉnh Đồng Tháp.

Chi phí giám định ngày 29/3/2017 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Đ với số tiền 2.025.000 đồng. Yêu cầu giám định của ông Huỳnh Hùng P được chấp nhận, chi phí này do nguyên đơn đã nộp tạm ứng và chi xong nên ông Trương Hữu T có nghĩa vụ trả lại cho ông Huỳnh Hùng P số tiền 2.025.000 đồng.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên thời hạn, quyền kháng cáo và quyền, nghĩa vụ, thời hiệu thi hành án của các đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm, đến ngày 10/5/2017, ông Trương Hữu T kháng cáo toàn bộ bản án số 20/2017/DS-ST ngày 28/4/2017 của Tòa án nhân dân thành phố C. Yêu cầu cấp phúc thẩm huỷ bản án sơ thẩm số 20/2017/DS-ST ngày 28/4/2017 và buộc ông Huỳnh Hùng P phải trả cho ông 81.920.000 đồng, triệu tập người làm chứng.

Ngày 11/5/2017, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân thành phố C kháng nghị bản án số 20/2017/DS-ST ngày 28/4/2017 của Tòa án nhân dân thành phố C, đề nghị Toà án nhân dân tỉnh Đồng Tháp xét xử phúc thẩm vụ án theo hướng huỷ một phần bản án đối với phần yêu cầu tính lãi của ông T, sửa nội dung bản án sơ thẩm do vi phạm nghiêm trọng về tố tụng và nội dung.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Ông P vẫn giữ yêu cầu khởi kiện;

- Ông T vẫn giữ nguyên yêu cầu phản tố và giữ nguyên yêu cầu kháng cáo; ông T cho rằng 04 biên nhận mà ông P kiện thì nay ông thừa nhận là chữ ký của ông nhưng trong đó ông T chỉ có nhận số tiền là 8.000.000đ; còn lại 02 biên nhận số tiền 15.000.000đ và 16.000.000đ thì ông chỉ ký giùm chứ tiền ông không có nhận. Đối với số tiền vay 8.000.000đ của ông P thì ông cũng đã

trả xong. Còn việc ông P vay của ông tổng cộng 71.000.000đ là có thật, ông có cung cấp được người làm chứng là ông Nguyễn Đức N nên yêu cầu ông P trả cho ông số tiền vốn và lãi của các khoản vay này. Ngoài ra, ông T không có yêu cầu nào khác.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp phát biểu: Về nội dung kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân thành phố C là chưa hoàn toàn phù hợp nên đề nghị rút một phần kháng nghị đối với việc yêu cầu hủy một phần bản án dân sự sơ thẩm. Giữ nguyên nội dung kháng nghị sửa án sơ thẩm điều chỉnh lại phần lãi suất đối với khoản vay của ông P.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

Căn cứ vào yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và căn cứ vào yêu cầu phản tố của bị đơn nên Tòa án cấp sơ thẩm xác định quan hệ tranh chấp của vụ án là tranh chấp hợp đồng dân sự về vay tài sản là phù hợp với quy định tại khoản 3, điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự;

Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn có yêu cầu phản tố, Tòa án cấp sơ thẩm đã thông báo cho bị đơn nộp tiền tạm ứng án phí cho yêu cầu của mình. Tuy nhiên, trong quá trình hòa giải bị đơn là ông Trương Hữu T có bổ sung thêm số tiền lãi trong số tiền nợ vốn gốc mà ông T đang có yêu cầu nên Tòa án cấp sơ thẩm đã ghi nhận nội dung mà ông T yêu cầu vào biên bản hòa giải và có hòa giải về số tiền vốn và lãi mà bị đơn đang có yêu cầu. Do đó, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân thành phố C đã có quyết định kháng nghị, về việc Tòa án cấp sơ thẩm vi phạm thủ tục tố tụng, không yêu cầu đương sự (ông T) nộp tạm ứng án phí bổ sung cho phần yêu cầu tiền lãi nên đề nghị hủy một phần bản án sơ thẩm. Hội đồng xét xử xét thấy, đối với yêu cầu phản tố của bị đơn thì Tòa án cấp sơ thẩm đã có thông báo để đương sự nộp tiền tạm ứng án phí cho yêu cầu phản tố của bị đơn và số tiền lãi mà bị đơn có yêu cầu bổ sung nằm trong số tiền vốn mà bị đơn đang có yêu cầu phản tố; như vậy được xem là bị đơn đã có nộp tiền tạm ứng án phí cho yêu cầu phản tố; việc không nộp bổ sung tiền tạm ứng án phí không làm ảnh hưởng đến quyền lợi của các đương sự nên Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy không cần thiết hủy một phần bản án dân sự sơ thẩm như kiến nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân thành phố C.

[2] Về nội dung:

Sau khi xét xử sơ thẩm, nguyên đơn ông Huỳnh Hùng P đồng ý theo Quyết định mà bản án dân sự sơ thẩm số: 20/2017/DS-ST ngày 26 tháng 4

năm 2017 của Toà án nhân dân thành phố C đã tuyên nên nguyên đơn không kháng cáo.

Còn bị đơn Trương Hữu T không đồng ý với bản án sơ thẩm đã tuyên nên ông T kháng cáo.

Tại phiên tòa sơ thẩm ông Trương Hữu T thừa nhận có vay của ông Huỳnh Hùng P số tiền trên 04 biên nhận mà ông P cung cấp nhưng ông T cho rằng ông đã trả cho ông P xong, hiện ông không còn nợ tiền vay của ông P. Tuy nhiên, tại phiên tòa phúc thẩm thì ông T lại nại ra cho rằng chữ ký trên 04 biên nhận là của ông nhưng trong 04 biên nhận đó ông T chỉ có nhận số tiền là 8.0000.000đ còn 02 biên nhận số tiền là 15.000.000đ và số tiền 16.000.000đ thì ông không có nhận mà ông ký nhận thay cho một người khác; việc trình bày này của ông T không được ông P thừa nhận, ông T cũng không có chứng cứ gì để chứng minh cho lời trình bày của mình. Do đó, buộc ông T phải có nghĩa vụ trả số tiền vốn vay và lãi cho ông P trên 04 biên nhận với số tiền vốn là 39.000.000đ và tiền lãi là 3.658.000đ (đã làm tròn số); tổng cộng tiền vốn và tiền lãi là 42.658.125đ;

Đối với việc ông T có đơn yêu cầu phản tố: Ông T yêu cầu ông P trả số tiền vốn vay là 71.000.000.000 đồng; cụ thể như sau: biên nhận ngày 17/7/2015 số tiền là 68.000.000đ và biên nhận ghi ngày 10/4/2012 với số tiền là 1.000.000đ, trên cùng biên nhận này ghi ngày 17/4/2012 với số tiền là 2.000.000đ. Tại phiên tòa sơ thẩm, ông P thừa nhận chữ ký trên hai biên nhận là của ông P nhưng đối với biên nhận ngày 17/7/2015 thì ông P chỉ có vay số tiền là 8.000.000đ chứ không phải 68.000.000đ như ông T trình bày; Đồng thời, trên biên nhận này chữ số 6 và chữ viết sáu là do viết thêm vào nên ông P không thừa nhận. Ngoài ra, ông T còn cung cấp người làm chứng là ông Nguyễn Đức N để chứng minh cho việc ông P có vay của ông số tiền trên biên nhận ngày 17/7/2015 là 68.000.000đ chứ không phải 8.000.000đ; Tuy nhiên, lời trình bày của người làm chứng là ông Nguyễn Đức Nam xác định việc ông chỉ biết việc ông P có hỏi ông T vay số tiền 60.000.000đ; còn việc ghi thêm vào biên nhận ngày 17/7/2015 thành 68.000.000đ thì ông không có chứng kiến, ông T có đưa thêm số tiền 60.000.000đ cho ông P hay không thì ông cũng không xác định rõ. Do đó, không có căn cứ để chấp nhận lời trình bày của người làm chứng là ông Nguyễn Đức N. Căn cứ vào kết quả giám định của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Đ đã kết luận chữ số “6” và chữ viết “sáu” trên biên nhận ngày 17/7/2015 là chữ điền thêm. Do đó, chỉ có cơ sở chấp nhận số tiền vốn vay của biên nhận ngày 17/7/2015 là 8.000.000đ phù hợp với lời thừa nhận của ông P. Ông P thừa nhận có vay của ông T tổng cộng là 11.000.000đ nhưng Tòa án cấp sơ thẩm không tính tiền lãi trên số tiền mà ông P đã vay của ông T là không phù hợp nên Viện kiểm sát nhân dân thành phố C đã có kháng nghị đối với phần tiền lãi của số tiền 11.000.000đ mà ông P vay của ông T là phù hợp; còn ông T thì cho rằng ông P vay 71.000.000đ, nên ông T yêu cầu ông P trả 71.000.000đ và yêu cầu tính lãi với lãi suất 0,75%/tháng của số tiền vay từ ngày 17/7/2015 đến khi yêu cầu (tháng 04/2017) là 21 tháng, với số tiền lãi là 10.920.000đ. Xét yêu cầu này của ông

T là không có căn cứ nên không được Tòa án cấp sơ thẩm chỉ chấp nhận một phần yêu cầu phản tố của ông T là phù hợp. Do đó, Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của ông T và chấp nhận một phần kháng nghị của Viện trưởng viện kiểm sát nhân dân thành phố C; Sửa án sơ thẩm về phần tiền lãi của số tiền mà ông P đã vay của ông T. Cụ thể tiền lãi của số tiền 11.000.000đ mà ông P đã vay của ông T được tính như sau:

$$11.000.000đ \times 0,75\%/tháng \times 21 tháng = 1.732.000đ; (\text{đã làm tròn số})$$

Số tiền vốn và lãi mà ông P phải trả cho ông T là:

$$11.000.000đ + 1.732.000 đ = 12.732.000đ \text{ (Mười hai triệu bảy trăm ba mươi hai nghìn đồng);}$$

Tại Tòa án cấp sơ thẩm và tại phiên tòa phúc thẩm, ông Huỳnh Hùng P thống nhất trừ số tiền vốn và tiền lãi của số tiền vay 11.000.000đ vào số tiền vốn và tiền lãi mà ông T đã vay của ông P;

Như vậy, sau khi trừ cần số tiền mà ông P còn nợ ông T thì số tiền ông T còn lại phải trả cho ông P là:

$$(39.000.000đ + 3.658.000đ) - (11.000.000đ + 1.732.000đ) = 29.926.000đ \text{ (Hai mươi chín triệu chín trăm hai mươi sáu nghìn đồng);}$$

Xét quan điểm và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp là phù hợp.

- Về án phí án phí dân sự sơ thẩm: Ông P không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm do yêu cầu được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Còn ông T phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu của ông P được Hội đồng xét xử chấp nhận và phải chịu án phí đối với phần yêu cầu phản tố không được Hội đồng xét xử chấp nhận;

- Về chi phí giám định: Do yêu cầu giám định của ông P là có căn cứ nên ông T phải chịu chi phí giám định là 2.025.000đ để trả lại cho ông P.

- Về án phí phúc thẩm: Do sửa án sơ thẩm nên ông T không phải chịu tiền án phí phúc thẩm;

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 148, khoản 2 Điều 308, Điều 313 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 357; 463, 466; 468; 471 Bộ luật dân sự; Điều 48-Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

1. Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Trương Hữu T.

2. Chấp nhận một phần kháng nghị của Viện trưởng viện kiểm sát nhân dân thành phố C;

3. Sửa án dân sự sơ thẩm số 20/2017/DS-ST ngày 26/4/2017 của Tòa án nhân dân thành phố C.

Tuyên xử:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Huỳnh Hùng P;

- Chấp nhận một phần yêu cầu phản tố của ông Trương Hữu T đối với số tiền vay là 11.000.000đ và 1.732.000đ tiền lãi; Không chấp nhận một phần yêu cầu phản tố của ông Trương Hữu T về việc yêu cầu ông P trả số tiền vốn vay là 60.000.000đ và 9.188.000đ tiền lãi.

- Buộc ông Trương Hữu T có nghĩa vụ trả cho ông Huỳnh Hùng P số tiền vốn vay và tiền lãi còn nợ lại là 29.926.000đ (Hai mươi chín triệu chín trăm hai mươi sáu nghìn đồng);

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

4. Về án phí:

- Án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Huỳnh Hùng P được nhận lại tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.125.000đ theo biên lai số 08141 ngày 24/11/2016 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố C;

Ông Trương Hữu T phải nộp 4.096.000đ tiền án phí dân sự sơ thẩm; được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 1.775.000đ theo biên lai số 08311 ngày 15/12/2016 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố C; Như vậy, ông T còn phải nộp tiếp 2.321.000đ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

- Về án phí dân sự phúc thẩm: Ông Trương Hữu T được nhận lại 300.000đ tiền tạm ứng án phí phúc thẩm theo biên lai số 08490 ngày 16/5/2017 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố C.

5. Về chi phí giám định:

Ông Trương Hữu T phải nộp 2.025.000đ tiền chi phí giám định để trả lại cho ông P (vì ông P đã nộp tạm ứng số tiền này).

Các phần còn lại của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- Phòng KTNV THA Tỉnh;
- VKSND Tỉnh;
- TAND TP C;
- Chi cục THADS TP C;
- Đường sự;
- Lưu: VT, HSVA, TDS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Thị Võ Trinh